

Số: 5493 /QĐ-DKVN

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt và ban hành “Quy chế Quản lý vốn
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác”

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn tại các công văn số 42/CVNB-NTD ngày 14/3/2012 và số 24/CVNB-NXS ngày 18/5/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế Quản lý vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho các Quyết định sau:

- Quyết định số 5385/QĐ-DKVN ngày 11/9/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ban hành Quy chế quản lý vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào Doanh nghiệp khác và Quyết định số 6250/QĐ-DKVN ngày 19/10/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Sửa đổi Quy chế quản lý và sử dụng vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào Doanh nghiệp khác;
- Quyết định số 3973/QĐ-DKVN ngày 09/7/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả Doanh nghiệp là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Quyết định số 978/QĐ-DKVN ngày 15/02/2008 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 13 - Chế độ báo cáo Quy chế kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả Doanh nghiệp là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 3973/QĐ- DKVN ngày 09/7/2007;
- Quyết định số 164/QĐ-DKVN ngày 01/02/2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt và ban hành Quy chế về Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại các Doanh nghiệp khác.

Điều 3. Tổng giám đốc và Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan của Tập đoàn, Thủ trưởng/Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT Tập đoàn (e-copy);
- TGD Tập đoàn;
- Các P.TGD: N.T.Dũng, N.X.Son (e-copy);
- Ban TCKT;
- Văn phòng/Các Ban thuộc Tập đoàn (e-copy);
- Các đơn vị có liên quan (TCKT t/báo);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

Phùng Đình Thục

QUY CHẾ QUẢN LÝ VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5493/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 07 năm 2012
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của Quy chế:

- ✓ Nhằm quy định cụ thể việc đầu tư vốn ra ngoài Tập đoàn phục vụ cho công tác quản lý và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư của Tập đoàn.
- ✓ Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động để có các giải pháp khắc phục kịp thời phục vụ cho công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả vốn đầu tư.
- ✓ Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện Tập đoàn tại doanh nghiệp khác.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định việc quản lý, kiểm tra, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đối tượng áp dụng: Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

- 1.1 “Tập đoàn” là “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” - công ty mẹ (doanh nghiệp cấp I) trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ và được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 18/06/2010 của Thủ tướng Chính Phủ.
- 1.2 “Doanh nghiệp khác” là các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 1.3 “Công ty con của Tập đoàn” (doanh nghiệp cấp II) là các doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giữ quyền chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc hai thành viên trở lên, tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty liên doanh (trong trường hợp chưa đăng ký lại theo luật doanh nghiệp), công ty con ở nước ngoài.
- 1.4 “Doanh nghiệp liên kết”: theo quy định tại khoản đ điều 1 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 190/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ Tướng chính phủ.
- 1.5 “Hội đồng thành viên” là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước tại Tập đoàn, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Tập đoàn và đối với các công ty do Tập đoàn đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và của chủ sở hữu

- đối với phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác.
- 1.6 “Tổng giám đốc” - TGD là Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - 1.7 Ban quản lý điều hành Tập đoàn bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - 1.8 Người đại diện bao gồm: Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác là người được Tập đoàn bổ nhiệm/giới thiệu để bầu/bổ nhiệm hoặc được ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tư cách là Chủ sở hữu, Thành viên hoặc cổ đông tại công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và của Công ty, bao gồm: Người đại diện vốn góp (HĐTV/HĐQT), Ban quản lý và điều hành công ty (Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát công ty, sau đây gọi tắt là “Người đại diện”.
 - 1.9 “Thành viên ban kiểm soát” là người được Hội đồng thành viên Tập đoàn cử tham gia ban kiểm soát của các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tập đoàn.
 - 1.10 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN, gồm: Ban Quản lý dự án, Ban chuẩn bị đầu tư, các Chi nhánh, các Trung tâm, các đơn vị nghiên cứu khoa học và đào tạo...
 - 1.11 “Quyền chi phối” là quyền của Tập đoàn đối với một doanh nghiệp khác được quy định tại khoản g điều 1 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 190/QĐ-TTg ngày 29/01/2011.
 - 1.12 “Giám sát và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp” là việc theo dõi, kiểm tra nhằm phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá hoạt động đầu tư, tình hình tài chính, tình hình chấp hành các chính sách, chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Nhà nước và của chủ sở hữu. Giám sát có thể được tiến hành gián tiếp thông qua các báo cáo hoặc trực tiếp thông qua việc tổ chức các đoàn kiểm tra tại doanh nghiệp.
 - 1.13 “Điều lệ công ty” là Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - 1.14 “Ngành, nghề kinh doanh chính” - là ngành nghề được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 190/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
 - 1.15 “Giám sát tài chính”: là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra đánh giá các vấn đề tài chính, chấp hành chính sách pháp luật có liên quan về tài chính.
 - 1.16 “Báo cáo giám sát tài chính” là báo cáo phân tích, đánh giá, cảnh báo các vấn đề về tài chính của doanh nghiệp.
 - 1.17 ĐHCĐ/HĐQT/HĐTV: là chữ viết tắt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Chương II
QUẢN LÝ PHẦN VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM ĐẦU TƯ
VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC
Mục 1
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác

Vốn của Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm:

- 4.1 Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Tập đoàn được Tập đoàn đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.
- 4.2 Vốn từ ngân sách Nhà nước đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác giao cho Tập đoàn quản lý.
- 4.3 Giá trị cổ phần hoặc vốn nhà nước đầu tư tại các công ty 100% vốn nhà nước thuộc Tập đoàn đã cổ phần hóa hoặc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
- 4.4 Vốn do Tập đoàn vay để đầu tư.
- 4.5 Lợi tức được chia cho Nhà nước hoặc Tập đoàn đầu tư, góp vốn ở doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư vào doanh nghiệp đó.
- 4.6 Các loại vốn khác.

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư vốn của Tập đoàn vào doanh nghiệp khác

- 5.1 Tập đoàn được quyền sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản trí tuệ và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Tập đoàn để đầu tư vào doanh nghiệp khác dưới các hình thức được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này. Việc đầu tư liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai;
- 5.2 Việc đầu tư vốn của Tập đoàn vào doanh nghiệp khác tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tập đoàn, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính của Tập đoàn và phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn và tăng thu nhập.
- 5.3 Tập đoàn quyết định giới hạn tổng nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành. Tổng mức đầu tư ra ngoài Tập đoàn (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá mức vốn điều lệ của Tập đoàn. Riêng đối với hoạt động đầu tư và góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán Tập đoàn phải tuân theo các quy định của Nhà nước về đầu tư vốn thuộc các lĩnh vực này.
- 5.4 Việc đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh ngành nghề ngoài lĩnh vực thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.
- 5.5 Tập đoàn không được tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, anh, chị em ruột của thành

viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tập đoàn.

- 5.6 Không được góp vốn, hoặc mua cổ phần tại Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.
- 5.7 Trường hợp Tập đoàn có mức vốn đầu tư vượt quá quy định tại khoản 5.3 điều này thì thực hiện điều chỉnh lại mức đầu tư theo quy định tại quy chế này.
- 5.8 Ngoài các trường hợp không được tham gia góp vốn theo quy định tại khoản 5.6 và 5.7 điều này, Tập đoàn còn phải thực hiện việc kiểm soát các hình thức đầu tư sau:
 - + Công ty con không được đầu tư góp vốn vào Công ty mẹ.
 - + Công ty con, công ty hạch toán phụ thuộc Tập đoàn không được góp vốn cùng Tập đoàn để thành lập doanh nghiệp mới, không được góp vốn mua cổ phần khi cổ phần hoá đơn vị trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty hoặc tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

Điều 6. Các hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác của Tập đoàn

- 6.1. Góp vốn, mua cổ phần để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
- 6.2. Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty hợp danh đang hoạt động;
- 6.3. Mua lại một doanh nghiệp khác để hình thành một pháp nhân mới;
- 6.4. Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;
- 6.5. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- 7.1. Hội đồng Thành viên Tập đoàn quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn và theo quy định của pháp luật.
- 7.2. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định đối với các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn và quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức, giải thể, chuyển đổi sở hữu đối với Công ty con là Công ty TNHH MTV với mức vốn điều lệ mỗi Công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn và các Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của Công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ; Góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của Công ty con dẫn đến mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức doanh nghiệp cấp II thành Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ công ty con theo quy định của pháp luật; Thuê một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác, mua một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác có mức vốn đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn.
- 7.3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài; quyết định

việc mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác và các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính:

- 8.1. Hội đồng Thành viên Tập đoàn quyết định chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;
- 8.2. Đối với các khoản đầu tư tài chính thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thành viên Tập đoàn quyết định chuyển nhượng sau khi được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ;
- 8.3. Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, pháp luật và của Tập đoàn.

Mục 2

**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Điều 9. Đối với công ty TNHH 1 thành viên do Tập đoàn đầu tư 100% vốn.

- 9.1. Phê duyệt Điều lệ và vốn điều lệ của Công ty; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tăng vốn điều lệ của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty ;
- 9.2. Thông qua chiến lược, quy hoạch phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng cơ bản, dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng công ty/công ty;
- 9.3. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác (trừ hình thức đầu tư mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi) có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc tỷ lệ khác theo quy định phân cấp đầu tư mua sắm của Tập đoàn;
- 9.4. Thông qua việc nhượng bán các khoản đầu tư tài chính của Công ty, trong trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng công ty/Công ty được quy định tại Điều lệ và Quy chế tài chính;
- 9.5. Quyết định và phê duyệt phương án cổ phần hoá các công ty con và đơn vị trực thuộc; Công bố giá trị doanh nghiệp theo các quy định hiện hành;
- 9.6. Thông qua các hợp đồng vay, bảo lãnh và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn vốn điều lệ của Tổng công ty/Công ty hoặc theo mức nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế tài chính;
- 9.7. Thông qua việc lựa chọn tư vấn đánh giá xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị vốn và tài sản của Chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Thông qua việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- 9.8. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận hàng năm của Tổng công ty/công ty;
- 9.9. Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản, các dự án đầu tư dở dang theo thẩm quyền phân cấp đầu tư của Tập đoàn;
- 9.10. Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn đã đầu tư vào Tổng công ty/ công ty cho tổ chức, cá nhân khác sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp

thuận;

- 9.11. Quyết định xử lý vốn của Tập đoàn thu hồi từ doanh nghiệp khác;
- 9.12. Quyết định chuyển đổi hình thức sở hữu của công ty;
- 9.13. Quyết định việc xử lý lỗ hoặc tỷ lệ lợi nhuận để lại cho Công ty TNHH một thành viên;
- 9.14. Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty;
- 9.15. Phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương hàng năm;
- 9.16. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty con của Công ty sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý;
- 9.17. Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- 9.18. Thực hiện việc giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty theo quy định;
- 9.19. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định cụ thể tại Quy chế này.

Điều 10. Đối với Công ty cổ phần do Tập đoàn giữ quyền chi phối, Công ty TNHH 2 TV trở lên và Công ty liên doanh, liên kết.

- 10.1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp;
- 10.2. Quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đã đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với các quy định hiện hành pháp luật và điều lệ Tổng công ty/Công ty;
- 10.3. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Tập đoàn đã đầu tư;
- 10.4. Thực hiện việc giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty/Công ty có vốn góp chi phối của Tập đoàn theo quy định;
- 10.5. Thông qua và có ý kiến bằng văn bản những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp khác được đưa ra thảo luận trong Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban giám đốc hay bên liên doanh trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Doanh nghiệp khác để Người đại diện thực hiện biểu quyết theo quy định bao gồm các vấn đề sau:
 - Nội dung điều lệ, sửa đổi nội dung điều lệ công ty, hợp đồng liên doanh;
 - Nội dung quy chế quản lý tài chính, sửa đổi quy chế quản lý tài chính của Công ty;
 - Phương hướng, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, XDCB dài hạn, trung hạn và hàng năm bao gồm kế hoạch tài chính hàng năm;
 - Phương án tăng vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phiếu;
 - Xử lý lỗ hoặc phương án phân chia lợi nhuận hàng năm;
 - Các phương án huy động vốn vay, cho vay, bảo lãnh và các hợp đồng khác theo các quy định hiện hành của pháp luật, Tập đoàn và các quy định tại Điều lệ công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - Lựa chọn cổ đông chiến lược;
 - Xác định vốn góp của các cổ đông khác, thành viên khác, các bên trong liên doanh dưới các hình thức không phải bằng tiền;
 - Thông qua chủ trương đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác (trừ nhóm định chế tài chính khi thực hiện đầu tư ngắn hạn); tổ chức lại, giải thể, phá sản các doanh nghiệp này;
 - Tham gia thành lập mới doanh nghiệp;
 - Thông qua các dự án đầu tư theo mức đã phân cấp trong quy định đầu tư, mua sắm của Tập đoàn;
 - Thông qua việc lựa chọn tư vấn đánh giá xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị vốn và tài sản của Chủ sở hữu tại doanh nghiệp;
 - Thông qua việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm đối với các Tổng công ty/Công ty do Tập đoàn nắm giữ quyền chi phối;
 - Thông qua việc thay đổi tỷ lệ vốn góp của đơn vị tại doanh nghiệp khác (doanh nghiệp cấp III);
 - Kế hoạch lao động, tiền lương hàng năm;
 - Số lượng thành viên HĐQT, Thù lao HĐQT/Ban kiểm soát;
 - Nhượng bán, thanh lý tài sản, các dự án đầu tư dở dang theo thẩm quyền phân cấp đầu tư của Tập đoàn;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn được quy định trong Quy chế này và các quy định khác của Tập đoàn;
- 10.6. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 3

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều 11. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc Tập đoàn đối với việc quản lý vốn của Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- 11.1. Tiếp nhận toàn bộ các báo cáo, văn bản của Người đại diện để tổng hợp, xử lý, có ý kiến trả lời Người đại diện theo thẩm quyền quy định tại Quy chế này và các Quy chế khác của Tập đoàn. Trình Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt các vấn đề ngoài thẩm quyền của Tổng giám đốc Tập đoàn.
- 11.2. Dự thảo các nội dung quy định tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này để trình HĐQT quyết định, thông qua.
- 11.3. Quyết định các dự án đầu tư tại các doanh nghiệp khác theo quy định phân cấp đầu tư, mua sắm và điều lệ tổ chức & hoạt động của Tập đoàn;
- 11.4. Đề xuất và trình HĐQT thông qua các đề án đầu tư vốn của Công ty TNHH một thành viên vào công ty cổ phần có vốn góp không chi phối, việc lựa chọn tư vấn đánh giá xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị vốn và tài sản của Chủ sở hữu tại doanh nghiệp, việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm đối với các Tổng công ty/Công ty do Tập đoàn nắm giữ quyền chi phối.

- Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bảo lãnh và các hợp đồng khác theo phân cấp của Hội đồng thành viên;
- 11.5. Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu hồi lợi tức/cổ tức được chia từ doanh nghiệp khác;
 - 11.6. Thực hiện và giám sát các doanh nghiệp khác thực hiện Quy chế này;
 - 11.7. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn chấn chỉnh kịp thời;
 - 11.8. Thông qua các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - 11.9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý vốn và tài sản tại các doanh nghiệp khác theo thẩm quyền được quy định tại Quy chế này và các Quy chế khác của Tập đoàn;
 - 11.10. Yêu cầu Người đại diện báo cáo hoặc cung cấp thông tin liên quan đến các vấn đề trước khi quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình HĐQT;
 - 11.11. Hướng dẫn các Người đại diện phân vốn của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác thực hiện các quy định của Pháp luật, Quy chế của Tập đoàn;
 - 11.12. Tổ chức bộ máy theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn theo sự phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên và theo các quy định của pháp luật;
 - 11.13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

Mục 1

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 12. Điều kiện và tiêu chuẩn làm Người đại diện

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
4. Hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật cao;
5. Có trình độ chuyên môn từ bậc Đại học trở lên về Kinh tế, Tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp. Nếu là Người đại diện tại Công ty Liên doanh với nước ngoài thì phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài;
6. Người đại diện không phải là bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của các Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Tập đoàn; không phải là người có liên quan theo quy định của pháp luật với những người làm công tác quản lý, điều hành của công ty mà cán bộ đó được Tập đoàn cử làm Người đại diện; không có quan hệ góp vốn thành lập công ty, cho vay vốn, ký kết Hợp đồng mua bán với công ty có vốn góp của Tập đoàn mà Người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có

cổ phần được mua ưu đãi khi cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác của Người đại diện tương ứng với chức danh đảm nhận theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TẬP ĐOÀN VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 13. Quyền của Tập đoàn đối với Người đại diện

Tập đoàn có các quyền sau đây đối với Người đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp:

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, khen thưởng và kỷ luật Người đại diện; quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với Người đại diện phân vốn góp (Chủ tịch công ty; Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên Hội đồng quản trị/Thành viên Hội đồng thành viên của công ty), Người đại diện trong Ban kiểm soát và Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên một thành viên do PVN nắm 100% vốn điều lệ.
2. Giới thiệu để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế đối với các chức danh quản lý chủ chốt tại doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.
3. Quyết định số lượng cổ phần Người đại diện được mua khi Người đại diện được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần, trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu;
4. Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ các quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tập đoàn tại công ty;
5. Chỉ đạo bằng văn bản Người đại diện thực hiện việc quản lý, điều hành công ty phù hợp với chiến lược, chủ trương của Tập đoàn và theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; và thực hiện biểu quyết các vấn đề quan trọng được quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Quy chế này tại các cuộc họp ĐHCĐ/HĐQT/HĐTV công ty theo chiến lược và chủ trương của Tập đoàn;
6. Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện và/hoặc báo cáo về bất kỳ nội dung nào liên quan đến công ty mà Tập đoàn quan tâm theo quy định tại Quy chế này;
7. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những yếu kém, thiếu sót của Người đại diện để có biện pháp ngăn chặn, chấn chỉnh và thay thế Người đại diện kịp thời, đảm bảo lợi ích và uy tín của Tập đoàn không bị ảnh hưởng;
8. Các quyền khác của Chủ sở hữu, Thành viên góp vốn hoặc cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và tại Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Tập đoàn đối với Người đại diện

1. Cung cấp thông tin, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Người đại diện thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình tại các công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Đảm bảo quyền lợi của Người đại diện theo quy định tại Quy chế nhân viên, Quy chế Quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện, Quy chế Quản lý cán bộ của Tập đoàn và các quy định cụ thể tại Quy chế này;
3. Chỉ đạo kịp thời Người đại diện xử lý các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Chủ sở hữu/Thành viên hoặc cổ đông tại công ty và định hướng công ty hoạt động phù hợp với chiến lược của Tập đoàn. Có văn bản chỉ đạo Người đại diện chậm nhất là 02 ngày làm việc trước khi công ty tổ chức đại hội/họp về các vấn đề nêu tại Khoản 4 Điều 15 dưới đây mà Người đại diện xin ý kiến. Quá thời hạn này mà Tập đoàn không có văn bản chỉ đạo thì được xem là đồng ý với đề xuất của Người đại diện và Người đại diện được quyền biểu quyết theo nội dung đã đề xuất.

Mục 3

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN Điều 15.

Quyền của Người đại diện

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty theo sự chỉ đạo của Tập đoàn;
2. Được hưởng lương, thưởng và các chế độ chính sách của Tập đoàn/Tổng công ty/công ty theo quy định của Tập đoàn/Tổng công ty/công ty; được mua cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Tổng công ty/công ty và của Tập đoàn.
3. Được quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty/công ty theo Điều lệ của Tổng công ty/công ty, quy định của pháp luật và theo phân cấp của Tập đoàn trong từng lĩnh vực;
4. Được quyền đề xuất ý kiến với Tập đoàn về những nội dung quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 16 của Quy chế này;
5. Được quyền bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn nhưng vẫn phải thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn.
6. Người đại diện tham gia bán chuyên trách (kiêm nhiệm) vào HĐQT/HĐQT/Ban điều hành/Ban kiểm soát của Doanh nghiệp khác thì được Tập đoàn trả lương, thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định tại Quy chế trả lương, trả thưởng của Tập đoàn, căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp người đại diện là thành viên kiêm nhiệm được doanh nghiệp khác trả thù lao thì người đại diện phải có trách nhiệm nộp các khoản thù lao đó về Tập đoàn.

Điều 16. Nghĩa vụ của Người đại diện

Tùy thuộc vào vai trò là Người đại diện quản lý phần vốn/đại diện trong Ban quản lý, điều hành hay đại diện kiểm soát tại Tổng công ty/công ty mà Người đại diện có nghĩa vụ thực hiện trong phạm vi quyền hạn của mình như sau:

1. Khi thực hiện quyền của cổ đông, Thành viên góp vốn, Bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, Thành viên góp vốn hay các Bên liên doanh, Người đại diện phải sử dụng quyền đó một cách chuyên nghiệp và cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định tại Quy chế này và các quy định khác của

Tập đoàn đối với Người đại diện, Điều lệ công ty và pháp luật;

3. Định hướng doanh nghiệp thực hiện theo đúng mục tiêu, chiến lược và phương án phối hợp kinh doanh của Tập đoàn. Khi phát hiện doanh nghiệp đi lệch mục tiêu, chiến lược của Tập đoàn phải báo cáo ngay Tập đoàn và đề xuất giải pháp khắc phục;
4. Theo dõi, giám sát, phân tích và báo cáo Tập đoàn (định kỳ và hoặc đột xuất) về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty và hiệu quả sử dụng phần vốn của Tập đoàn tại công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
5. Hàng năm phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác trình Tập đoàn xem xét, thông qua.
6. Gửi Báo cáo và ý kiến đề xuất kèm theo các tài liệu liên quan về Tập đoàn để xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề mà theo phân cấp thuộc thẩm quyền của Tập đoàn chậm nhất là 10 ngày làm việc trước khi công ty tổ chức đại hội/họp để biểu quyết/thông qua/quyết định, cụ thể là:
 - a) Chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của công ty.
 - b) Công tác tổ chức: sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; cơ cấu lại tổ chức quản lý công ty, giải thể và yêu cầu phá sản công ty; quyết định thành lập công ty con, quyết định đầu tư vốn thành lập công ty liên kết, các quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của công ty tại công ty khác (công ty con của doanh nghiệp cấp II).
 - c) Công tác cán bộ: bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi, bổ sung, khen thưởng, kỷ luật, điều chuyển vị trí công tác của các thành viên Ban lãnh đạo trong công ty gồm: Chủ tịch và Thành viên HĐQT/HĐTV, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc và Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý chủ chốt khác của công ty theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tập đoàn.
 - d) Công tác xây dựng kế hoạch định biên lao động; xây dựng thang lương, bảng lương; quỹ lương kế hoạch của HĐQT/HĐTV và của Giám đốc; quỹ lương kế hoạch, đơn giá tiền lương của công ty.
 - e) Đầu tư tài sản, đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định phân cấp của Tập đoàn trong từng lĩnh vực.
 - f) Phương án huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia lợi tức, bán tài sản của công ty; và các vấn đề về tài chính theo quy định tại Quy chế này.
 - g) Các vấn đề quan trọng khác khi Tập đoàn yêu cầu.
7. Đối với Tổng công ty/công ty do Tập đoàn giữ quyền chi phối, khi quyết định những vấn đề sau phải được sự chấp thuận của Tập đoàn: Cơ cấu tổ chức các Phòng/Ban thuộc Bộ máy quản lý điều hành; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi/bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự của doanh nghiệp; thay đổi/bổ nhiệm/giới thiệu để bổ nhiệm chức danh Chủ tịch và Giám đốc doanh nghiệp là công ty con (công ty con của doanh nghiệp cấp II); Chủ tịch, Tổng giám đốc doanh nghiệp khi đi công tác, học tập ở nước ngoài và nghỉ phép hay nghỉ vì lý do cá nhân;
8. Thực hiện và thống nhất biểu quyết theo chỉ đạo của Tập đoàn về các nội dung

nêu tại Khoản 6 nêu trên.

9. Trường hợp tại công ty có nhiều Người đại diện thì những Người đại diện cần phải trao đổi, thống nhất nội dung văn bản/công văn báo cáo khi đề xuất ý kiến cho Tập đoàn những nội dung tại Khoản 6 trên đây hay những nội dung khác thuộc thẩm quyền Người đại diện tự quyết trước khi biểu quyết; Văn bản/công văn/báo cáo do Người đại diện giữ chức vụ cao nhất tại Tổng công ty/công ty thay mặt những Người đại diện khác ký gửi Tập đoàn. Trường hợp những Người đại diện có ý kiến khác nhau phải báo cáo về Tập đoàn để xin ý kiến chỉ đạo. Người đại diện có nghĩa vụ và trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện quản lý phần vốn góp của Tập đoàn tại công ty vì lợi ích của Tập đoàn.
10. Báo cáo về kết quả các cuộc họp ĐHCĐ/HĐQT/HĐTV công ty phải được gửi về Tập đoàn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đại hội/cuộc họp;
11. Thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT/HĐTV công ty theo chức trách được phân công. Trong quá trình thực hiện cần kịp thời báo cáo Tập đoàn những vướng mắc, những vấn đề quan trọng mới phát sinh để xin ý kiến chỉ đạo;
12. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp và uy tín của Tập đoàn, chịu trách nhiệm trước Tập đoàn về hiệu quả sử dụng vốn góp của Tập đoàn và chức trách được Tập đoàn giao tại doanh nghiệp mà mình được cử làm Người đại diện;
13. Báo cáo về thị trường, bí quyết công nghệ để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tập đoàn.
14. Người đại diện tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho chủ sở hữu.
15. Thành viên Ban Kiểm soát/ kiểm soát viên phải phối hợp với Người đại diện trong việc quản lý phần vốn của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát phải nhanh chóng thông báo cho Người đại diện những sai phạm trong quản lý để kịp thời chấn chỉnh và khắc phục.
16. Khi được Người đại diện hỏi ý kiến tư vấn liên quan đến việc quản lý phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác, thành viên Ban Kiểm soát/kiểm soát viên phải trả lời với tinh thần trợ giúp vì lợi ích của Tập đoàn.
17. Trước phiên họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, thành viên Ban Kiểm soát/kiểm soát viên phải có ý kiến độc lập về các vấn đề sẽ được đưa ra biểu quyết tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông cùng với báo cáo của Người đại diện về Tập đoàn theo quy định.
18. Thành viên Ban kiểm soát/kiểm soát viên phải báo cáo Tập đoàn kịp thời những vấn đề phát sinh trong việc quản lý vốn của Tập đoàn tại doanh nghiệp để có hướng xử lý kịp thời.
19. Thành viên Ban Kiểm soát/kiểm soát viên thực hiện có quyền hạn và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ, CỬ VÀ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 17. Đánh giá Người đại diện

Hàng năm, Tập đoàn thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Người đại diện theo các tiêu chí sau:

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, Báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội cổ đông của doanh nghiệp;
2. Việc hoàn thành đầy đủ, nghiêm túc, đúng thời hạn các nghĩa vụ tài chính, cam kết của doanh nghiệp đối với Tập đoàn;
3. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo Quy chế này;
4. Việc phối hợp giữa những Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp;
5. Việc thực hiện pháp luật và Điều lệ công ty của Người đại diện.

Điều 18. Trách nhiệm đánh giá

- Người đại diện lập báo cáo tự đánh giá xếp loại theo Biểu số 6 gửi Hội đồng thành viên.
- Ban Kiểm soát nội bộ và các Ban chuyên môn của Tập đoàn đánh giá Người đại diện theo chức năng, nhiệm vụ của từng Ban.
- Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn đầu mối tổng hợp đánh giá Người đại diện của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác.

Điều 19. Cử Người đại diện

Căn cứ Quy định về phân cấp thẩm quyền đối với công tác cán bộ; Căn cứ vào Điều lệ công ty, tỷ lệ vốn góp/cổ phần vào công ty và theo thỏa thuận giữa các cổ đông hoặc Thành viên công ty, việc cử/thay thế Người đại diện như sau:

1. Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định bổ nhiệm/giới thiệu để bầu/thay thế cán bộ làm Người đại diện của Tập đoàn vào các chức vụ:
 - a) Chủ tịch/Phó Chủ tịch và ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và Thành viên Ban Kiểm soát tại công ty cổ phần;
 - b) Chủ tịch/Phó Chủ tịch và Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên tại công ty TNHH.
2. Tổng giám đốc Tập đoàn quyết định bổ nhiệm/giới thiệu để bổ nhiệm/thay thế cán bộ làm Người đại diện của Tập đoàn vào các chức vụ:
 - a) Giám đốc và Phó giám đốc công ty;
 - b) Kế toán trưởng công ty.
3. Trong thời gian được cử làm Người đại diện của Tập đoàn, những cán bộ này thuộc quyền quản lý của Tập đoàn.

Điều 20. Thay đổi Người đại diện

Việc thay đổi Người đại diện được Tập đoàn thực hiện trong trường hợp miễn nhiệm, bãi miễn, cách chức hoặc do yêu cầu về sản xuất kinh doanh hoặc về công tác cán bộ của Tập đoàn.

1. Người đại diện được miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ sức khỏe, năng lực để đảm đương nhiệm vụ, nghỉ hưu hay được điều động, bố trí công tác khác theo yêu cầu về công tác cán bộ của Tập đoàn;
 - b) Hết nhiệm kỳ công tác;
 - c) Có Đơn tự nguyện xin từ chức.
2. Người đại diện bị bãi miễn, cách chức trong các trường hợp sau:
 - a) Báo cáo Tập đoàn không trung thực tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ 02 lần trở lên hoặc 01 lần sai nghiêm trọng, để công ty thực hiện không nghiêm túc các cam kết, nghĩa vụ tài chính đối với Tập đoàn;
 - b) Lạm dụng quyền của Người đại diện, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - c) Gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng và không còn đủ uy tín, điều kiện và tiêu chuẩn để làm Người đại diện;
 - d) Vi phạm từ 02 lần trở lên các quy định tại Quy chế này và các quy định liên quan hoặc vi phạm 01 lần nhưng gây hậu quả nghiêm trọng và phương hại đến lợi ích, uy tín của Tập đoàn;
 - e) Các quy định khác về bãi miễn, cách chức Người đại diện theo pháp luật.

Chương IV

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CÓ VỐN GÓP CỦA TẬP ĐOÀN

Mục 1

HÌNH THỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 21. Các hình thức giám sát

- Giám sát từ bên trong doanh nghiệp là việc thực hiện giám sát nội bộ do đơn vị tự tổ chức thực hiện, bao gồm cả việc giám sát của Công ty mẹ-Tập đoàn dầu khí Việt Nam đối với công ty con và các công ty có vốn đầu tư của Công ty mẹ.
- Giám sát từ bên ngoài là giám sát do chủ sở hữu; cơ quan quản lý nhà nước tổ chức thực hiện.
- Giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp
 - ✓ Giám sát trước hoạt động của doanh nghiệp là việc kiểm tra tính khả thi của các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; các dự án đầu tư, xây dựng; đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; phương án huy động, sử dụng vốn và các dự án, phương án khác.
 - ✓ Giám sát trong hoạt động của doanh nghiệp là việc theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các kế hoạch, dự án của doanh nghiệp trong thực hiện các quy định của pháp luật, nhà nước và của Chủ sở hữu;
 - ✓ Giám sát sau hoạt động của doanh nghiệp là việc kiểm tra kết quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở các báo cáo định kỳ; kết quả chấp hành các quyết định của Chủ sở hữu hoặc điều lệ doanh nghiệp; việc tuân thủ các quy định

của pháp luật.

- Giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Giám sát trực tiếp là việc kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại doanh nghiệp.
- Giám sát đặc biệt: là quy trình giám sát đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính cần phải được Tập đoàn theo dõi và chấn chỉnh.

Điều 22. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

- Giám sát được tiến hành thường xuyên trên cơ sở các quy định của pháp luật; Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đơn vị; các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và trên cơ sở các báo cáo.
- Công tác kiểm tra được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở báo cáo, chứng từ, tài liệu, sổ sách có liên quan đến nội dung kiểm tra;
- Ưu tiên về nguồn lực, thời gian...cho công tác kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực, hoạt động đầu tư nhiều vốn, công nghệ hoặc các đánh giá có mức độ rủi ro cao....và các doanh nghiệp trong diện giám sát đặc biệt.

Điều 23. Căn cứ thực hiện giám sát tài chính

Hoạt động giám sát tài chính doanh nghiệp được thực hiện theo các căn cứ sau:

- Văn bản pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp;
- Điều lệ hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm, kế hoạch dài hạn (05 năm), chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Báo cáo giám sát hàng quý theo quy định tại Quy chế này;
- Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp đã được kiểm toán; báo cáo tài chính quý, báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của chủ sở hữu hoặc cơ quan quản lý nhà nước;
- Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại doanh nghiệp của các cơ quan chức năng.
- Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

NỘI DUNG GIÁM SÁT

Điều 24. Giám sát tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:.

24.1. Giám sát của Tổng giám đốc Tập đoàn:

Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm chỉ đạo Ban TCKT&KT là đầu mối (Riêng đối với các Hợp đồng Dầu khí trong nước - Ban Dự án Dầu khí tại nước ngoài là đầu mối, đối với các Hợp đồng Dầu khí Nước ngoài - Ban Quản lý hợp đồng nước ngoài là đầu mối) cùng các Ban chức năng tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn theo các nội dung sau:

24.1.1 Giám sát tình hình tài chính, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại Tập đoàn theo các nội dung sau:

- + Tình hình đầu tư tài sản tại doanh nghiệp (bao gồm danh mục dự án đầu tư, xây dựng, đấu thầu, quyết toán vốn đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư do Tập đoàn làm chủ hoặc quyết định đầu tư);
- + Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động; tình hình phát hành trái phiếu, cổ phiếu (nếu có).
- + Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm đầu tư trong nước, đầu tư ra nước ngoài, đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
- + Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

24.1.2. Giám sát tình hình bảo toàn vốn và phát triển vốn của Tập đoàn.

24.1.3. Giám sát tình hình kinh doanh của Tập đoàn với các nội dung sau:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản;
- + Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn;
- + Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;
- + Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

24.1.4 Giám sát tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động trong Tập đoàn, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành Tập đoàn.

24.1.5. Giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/06/2010 của Bộ kế hoạch đầu tư;

24.1.6 Giám sát việc chấp hành: Các quy định, quyết định, chỉ thị của pháp luật, nhà nước; Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn; Các Quy chế, Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, các văn bản do Hội đồng thành viên Tập đoàn ban hành;

24.1.7. Giám sát tính thực thi và hiệu lực, hiệu quả của các văn bản do Hội đồng thành viên và Tập đoàn ban hành.

24.1.8. Giám sát việc thực hiện công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.

24.1.9. Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị của các Đoàn kiểm tra của các cấp chức năng có thẩm quyền.

24.2. Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo và Trưởng các Ban Quản lý dự án:

Thủ trưởng các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn có trách nhiệm đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị mình theo các nội dung sau:

24.2.1. Các đơn vị nghiên cứu khoa học & đào tạo:

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (như tình hình thực hiện các đề tài nghiên cứu, thực hiện các chỉ tiêu đào tạo, doanh thu, lợi nhuận và tình hình tài chính; thực hiện và giải ngân vốn đầu tư).

- Đánh giá công tác tuyển dụng, sử dụng và trả lương cho người lao động; việc sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quyền lợi khác của người lao động.
- Đánh giá việc chấp hành: Các quy định, quyết định, chỉ thị của pháp luật, nhà nước; Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn; Các Quy chế, Nghị quyết, quyết định, chỉ thị các văn bản do Tập đoàn ban hành;
- Đánh giá tính thực thi và hiệu lực, hiệu quả của các văn bản do Tập đoàn ban hành.
- Đánh giá tình hình triển khai hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu, quyết toán vốn đầu tư (bao gồm: danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn huy động để đầu tư, tình hình triển khai dự án, tình hình quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án do Tập đoàn làm chủ hoặc quyết định đầu tư).
- Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Báo cáo tình hình xử lý các khuyến nghị của các Đoàn kiểm tra của các cấp chức năng có thẩm quyền.
- Đề xuất các giải pháp để kiến nghị Hội đồng thành viên Tập đoàn sửa đổi hoặc xử lý kịp thời các vướng mắc, lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động (nếu có).

24.2.2. Trường các Ban Quản lý dự án thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí

- Đánh giá đầu tư theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/06/2010 của Bộ kế hoạch đầu tư;
- Đánh giá việc chấp hành: Các quy định, quyết định, chỉ thị của pháp luật, nhà nước; Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn; Các Quy chế, Nghị quyết, quyết định, chỉ thị các văn bản do Tập đoàn ban hành;
- Đánh giá tính thực thi và hiệu lực, hiệu quả của các văn bản do Tập đoàn ban hành.
- Báo cáo tình hình xử lý các khuyến nghị của các Đoàn kiểm tra của các cấp chức năng có thẩm quyền.
- Đề xuất các giải pháp để kiến nghị Hội đồng thành viên Tập đoàn sửa đổi hoặc xử lý kịp thời các vướng mắc, lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động (nếu có).

24.3. **Giám sát của Người đại diện của Tập đoàn tại các ủy ban quản lý và các Công ty điều hành chung**

Thực hiện các nhiệm vụ giám sát và thực hiện báo cáo được quy định tại Quy chế theo lĩnh vực chuyên ngành của Tập đoàn.

24.4. **Giám sát của Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng thành viên Tập đoàn:**

Ban Kiểm soát nội bộ là ban giúp việc cho Hội đồng Thành viên trong công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên có vốn góp của Tập đoàn thực hiện các nội dung sau:

- Có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và bổ sung kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm trình Hội đồng thành viên phê duyệt; Thực hiện các cuộc kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT hoặc khi thấy cần thiết sau khi được HĐQT phê duyệt.
- Tổng hợp báo cáo giám sát của Tổng giám đốc Tập đoàn, Người đại diện của Tập

đoàn tại các ủy ban quản lý, các Công, ty điều hành chung và Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác để báo cáo HĐQT và báo cáo các Bộ chức năng theo quy định.

- Giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ, nghị quyết, quyết định, chỉ thị .. của HĐQT, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với hoạt động của Tập đoàn để báo cáo tới HĐQT.
- Giám sát và đôn đốc việc quyết toán, thẩm tra quyết toán các công trình xây dựng, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Tập đoàn.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ (nếu có).
- Phối hợp với Ban TCNS tổng hợp giám sát đánh giá hoạt động của Người đại diện của Tập đoàn tại Doanh nghiệp khác trên cơ sở ý kiến đánh giá của các Ban chức năng.

Điều 25. Giám sát tại các Doanh nghiệp khác

25.1. Giám sát của Người đại diện của Tập đoàn (không bao gồm kiểm soát viên, Thành viên Ban kiểm soát)

Thực hiện theo các nội dung sau:

25.1.1. Giám sát tình hình tài chính, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại công ty theo các nội dung sau:

- + Tình hình đầu tư tài sản tại doanh nghiệp (bao gồm danh mục dự án đầu tư, xây dựng, đấu thầu, quyết toán vốn đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư do công ty làm chủ hoặc quyết định đầu tư);
- + Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động;
- + Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm đầu tư trong nước, đầu tư ra nước ngoài, đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
- + Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

25.1.2. Giám sát tình hình bảo toàn vốn và phát triển vốn của công ty

25.1.3. Giám sát tình hình kinh doanh của công ty với các nội dung sau:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản;
- + Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn;
- + Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;
- + Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

25.1.4. Giám sát tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động trong công ty, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành công ty.

25.1.5. Giám sát việc chia lợi tức/cổ tức, thực hiện các nghĩa vụ thanh toán với cổ đông và với Tập đoàn.

- 25.1.6. Giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/06/2010 của Bộ kế hoạch đầu tư;
- 25.1.7. Đánh giá việc chấp hành: Các quy định, quyết định, chỉ thị của pháp luật, nhà nước; Các Quy chế, Nghị quyết, quyết định, chỉ thị và các văn bản do Tập đoàn ban hành và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty;
- 25.1.8. Đánh giá tính thực thi và hiệu lực, hiệu quả của các văn bản do Tập đoàn ban hành;
- 25.1.9. Đánh giá tình hình xử lý các khuyến nghị của các Đoàn kiểm tra của các cấp chức năng có thẩm quyền;
- 25.1.10. Đề xuất các giải pháp để kiến nghị Tập đoàn sửa đổi hoặc xử lý kịp thời các vướng mắc, lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động (nếu có).

25.2. Giám sát của kiểm soát viên/ Thành viên Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác:

Kiểm soát viên/ Thành viên Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty theo các nội dung sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Người đại diện Tập đoàn tại doanh nghiệp khác, đưa ra các đề xuất, khuyến nghị (nếu có).
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định ... nội bộ của Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị và của Ban điều hành của doanh nghiệp.

Điều 26. Giám sát đặc biệt:

Việc giám sát đặc biệt được thực hiện theo quy định của các cơ quan hữu quan.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên Tập đoàn trong hoạt động giám sát

- Ban hành và sửa đổi bổ sung Quy chế kiểm tra, giám sát của Tập đoàn theo thẩm quyền;
- Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác; Phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của Tập đoàn và của Kiểm soát viên/Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác;
- Tổ chức giám sát thường xuyên các hoạt động của Tập đoàn và các Doanh nghiệp khác thông qua Người đại diện, Ban Kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện kịp thời và có các giải pháp tháo gỡ, khắc những khó khăn vướng mắc và hạn chế trong quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn.

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát đột xuất nếu thấy cần thiết.
- Yêu cầu Tổng giám đốc Tập đoàn, Người đại diện nộp đầy đủ, kịp thời kế hoạch, báo cáo định kỳ và các báo cáo đột xuất phục vụ cho công tác giám sát, đánh giá.
- Yêu cầu Tổng giám đốc Tập đoàn, Người đại diện Tập đoàn tại doanh nghiệp khác phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp hoặc thực hiện các giải pháp khắc phục theo các kết luận và khuyến nghị từ kết quả kiểm tra, giám sát.
- Ban hành quyết định giám sát đặc biệt đối với Doanh nghiệp khác trong trường hợp Doanh nghiệp khác có các chỉ số thuộc diện phải đặt vào tình trạng giám sát đặc biệt và chỉ đạo việc triển khai giám sát đặc biệt theo các quy định hiện hành.
- Hàng năm chỉ đạo việc tổng hợp báo cáo giám sát đánh giá và xếp loại của Tập đoàn và các Doanh nghiệp khác gửi tới các cơ quan hữu quan.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp khác, Người đại diện trong quá trình giám sát.

28.1. Doanh nghiệp khác, Người đại diện có quyền:

- Đề nghị Chủ sở hữu thực hiện theo đúng quy chế giám sát đối với Doanh nghiệp hoặc từ chối các cuộc kiểm tra không đúng các quy định hiện hành của nhà nước, pháp luật và của Tập đoàn.
- Kiến nghị hoặc khiếu nại với cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát về những kết luận kiểm tra, giám sát, đánh giá và những giải pháp do cơ quan này nêu ra nếu thấy không phù hợp và ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp.
- Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì soạn thảo chính sách, chế độ bổ sung, hoàn thiện các chính sách, pháp luật đối với doanh nghiệp phù hợp với thực tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả hoạt động.
- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

28.2. Doanh nghiệp khác, Người đại diện có nghĩa vụ:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và phương án huy động, sử dụng vốn hàng năm và dài hạn để làm cơ sở đánh giá kết quả quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Giải trình quá trình hoạt động, công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp; việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định của nhà nước, pháp luật và của Tập đoàn; Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời cho chủ sở hữu và các cơ quan chức năng có thẩm quyền các thông tin kinh tế, tài chính, chỉ tiêu kế hoạch, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định hiện hành phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát; Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của Chủ thể giám sát.
- Chấp hành các yêu cầu, kết luận của các cơ quan kiểm tra, giám sát và báo cáo tình hình thực hiện các yêu cầu, kết luận đó.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 29. Xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

29.1. Trách nhiệm của các Ban chức năng:

Hàng năm, trước ngày 15/12 các Ban chuyên môn của Tập đoàn có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra, giám sát theo từng lĩnh vực chuyên môn thuộc chức năng và nhiệm vụ của mình cho năm tiếp theo. Trong đó xác định nội dung các cuộc kiểm tra, giám sát; thời gian thực hiện của từng cuộc kiểm tra, giám sát gửi tới Ban Kiểm soát nội bộ.

- Ban KSNB: có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và bổ sung kế hoạch kiểm tra để báo cáo Hội đồng thành viên xem xét, phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát của Tập đoàn năm tiếp theo trước ngày 31/12 Kế hoạch kiểm tra, giám sát phải nêu rõ tên cuộc kiểm tra, giám sát; nội dung cơ bản của cuộc kiểm tra, giám sát; Ban đầu mối thực hiện cuộc kiểm tra làm trưởng đoàn.
- Ban TCKT&KT chịu trách nhiệm chủ trì trong việc thực hiện kiểm tra công tác quản lý vốn và hiệu quả sử dụng vốn;
- Ban Đầu tư Phát triển chịu trách nhiệm chủ trì trong việc đánh giá và đề xuất việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác;
- Ban Tổ chức Nhân sự chịu trách nhiệm chủ trì trong việc kiểm tra và đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện của tập đoàn tại doanh nghiệp khác;
- Các Ban chức năng khác thực hiện kiểm tra giám sát theo lĩnh vực chuyên môn được phân công.

Trên cơ sở kế hoạch được Hội đồng thành viên phê duyệt, các đoàn kiểm tra, giám sát của Tập đoàn tổ chức công tác kiểm tra, giám sát theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, pháp luật, Tập đoàn và các quy định cụ thể tại quy chế này.

Điều 30. Chế độ báo cáo:

30.1. Đối với Tập đoàn và các Doanh nghiệp khác:

30.1.1. Báo cáo của Tổng Giám đốc, Người đại diện phân vốn góp:

30.1.1.1. Báo cáo Quý;

- Thời hạn nộp báo cáo: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi Quý.
- Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
- Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản
- Nội dung chính của Báo cáo gồm:
 1. Báo cáo tài chính quý gần nhất.
 2. Báo cáo kiểm tra, giám sát:
 - Kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong kỳ của doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 24.1 và 25.1 tại Quy chế này.
 - Báo cáo (kèm biên bản) kết quả thanh tra, kiểm tra Đơn vị trong kỳ của các cơ

quan chức năng nhà nước.

- Đánh giá việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế của doanh nghiệp.
 - Đánh giá, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong kỳ của doanh nghiệp.
3. Báo cáo ước thực hiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (biểu số 1A), báo cáo chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp (biểu số 1B, riêng các Doanh nghiệp khác là Tổ chức tín dụng thực hiện theo biểu số 1B.1), báo cáo khả năng thanh toán nợ (biểu số 1C), báo cáo chi tiết các khoản đầu tư tài chính (biểu số 1D), Báo cáo tình hình huy động vốn và sử dụng vốn (biểu số 1E).
 4. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (biểu số 1F).
 5. Đánh giá tình hình thực hiện các Quy chế của Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (biểu số 1G).

30.1.12 Báo cáo xếp loại doanh nghiệp

- Thời hạn nộp báo cáo: Chậm nhất sau 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31.12 hàng năm).
 - Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
 - Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản.
 - Nội dung chính của Báo cáo gồm:
 1. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, kèm theo thư quản lý.
 2. Báo cáo kiểm tra, giám sát quý 4
 3. Báo cáo gồm các nội dung chính như điều 30.1.1.1 nêu trên.
 - Báo cáo phân tích đánh giá hoạt động Doanh nghiệp:
 - Báo cáo xếp loại doanh nghiệp:
 - Biểu số 2: Đối với Công ty con hoạt động kinh doanh.
 - Biểu số 3, số 4 và số 5: Đối với các Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty con Tập đoàn hoạt động theo mô hình Tổng Công ty (Công ty mẹ-con).
- Hệ thống chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và phương pháp lập các báo cáo đánh giá thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

30.1.2. Báo cáo của Kiểm soát viên do Tập đoàn bổ nhiệm/Thành viên Ban Kiểm soát do Tập đoàn giới thiệu:

- Thời hạn nộp báo cáo:
 - Báo cáo Quý: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi Quý.
- Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
- Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản
- Nội dung chính của Báo cáo gồm:
 - Các Báo cáo kiểm tra, giám sát trong kỳ theo quy định tại điều lệ doanh nghiệp,

Luật doanh nghiệp và điều 25.2 của Quy chế này.

- Đánh giá việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, pháp luật nhà nước của Người đại diện phần vốn PVN, của Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên, của Ban Giám đốc tại doanh nghiệp.
- Báo cáo (kèm biên bản) kết quả thanh tra, kiểm tra Đơn vị trong kỳ của các cơ quan chức năng nhà nước.
- Đánh giá tình hình thực hiện và tuân thủ các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp của Người đại diện phần vốn PVN (Biểu số 1F).
- Đánh giá tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế của Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp của Người đại diện phần vốn PVN (Biểu số 1G).

30.2. Báo cáo của các Đơn vị trực thuộc:

30.2.1. Các Ban Quản lý dự án:

- Thời hạn nộp báo cáo:
 - Báo cáo Quý: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi Quý.
 - Báo cáo Năm: Chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31.12 hàng năm).
- Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
- Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản.
- Nội dung chính của Báo cáo theo quy định tại điều 24.2.2
- Báo cáo (kèm biên bản) kết quả thanh tra, kiểm tra Đơn vị trong kỳ của các cơ quan chức năng nhà nước.
- Đánh giá việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của đơn vị (kể cả các nội dung được Hội đồng Thành viên uỷ quyền theo điều lệ).
- Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (Biểu số 1F).
- Đánh giá tình hình thực hiện các Quy chế của Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (Biểu số 1G).

30.2.2. Các đơn vị nghiên cứu khoa học & đào tạo:

30.2.2.1. Báo cáo Quý:

- Thời hạn nộp báo cáo: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi Quý.
- Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
- Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản
- Nội dung chính của Báo cáo gồm:
 1. Báo cáo tài chính quý gần nhất.
 2. Báo cáo kiểm tra, giám sát theo nội dung;
- Đánh giá hoạt động theo các nội dung quy định tại Điều 24.2.1. - Quy chế này.

- Báo cáo (kèm biên bản) kết quả thanh tra, kiểm tra Đơn vị trong kỳ của các cơ quan chức năng nhà nước.
 - Đánh giá việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của đơn vị (kể cả các nội dung được Hội đồng Thành viên uỷ quyền theo điều lệ).
 - Đánh giá, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong kỳ của đơn vị.
 - Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (Biểu số 1F).
 - Đánh giá tình hình thực hiện các Quy chế của Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (Biểu số 1G).
- 3 Báo cáo ước thực hiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của đơn vị (Biểu số 1A), báo cáo khả năng thanh toán nợ (Biểu 1C), báo cáo chi tiết các khoản đầu tư tài chính (Biểu số 1D), Báo cáo tình hình huy động vốn và sử dụng vốn (Biểu số 1E).

30.2.2.2. Báo cáo năm:

- Thời hạn nộp báo cáo: Chậm nhất là 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31.12 hàng năm).
- Nơi nhận báo cáo: Hội đồng Thành viên Tập đoàn.
- Phương thức gửi báo cáo: Bằng văn bản.
- Nội dung chính của Báo cáo gồm:
 1. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, kèm theo thư quản lý.
 2. Báo cáo phân tích tình hình tài chính năm trước và đánh giá hoạt động của đơn vị năm nay

30.3. Báo cáo của Người đại diện:

- 30.3.1. Người đại diện chịu trách nhiệm gửi báo cáo nêu tại khoản 30.1.1 Điều này là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Tập đoàn giao đại diện phần vốn lớn nhất của Tập đoàn tại các Công ty con và Công ty liên kết. Trong trường hợp tại các Công ty liên kết không có người đại diện vốn của Tập đoàn, thì thành viên Ban kiểm soát là người chịu trách nhiệm gửi báo cáo. Báo cáo được gửi đồng thời cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn bằng Fax (trong cùng ngày ban hành văn bản) và qua đường văn thư công ty;
- 30.3.2. Mỗi Người đại diện của Tập đoàn căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao lập kế hoạch hoạt động của mình và đánh giá kết quả thực hiện gửi về Hội đồng Thành viên Tập đoàn trước ngày 31/12 hàng năm (Biểu số 6).
- 30.3.3. Thông tin bất thường: Bằng nỗ lực cáo nhất, Người đại diện có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Tập đoàn những thông tin bất thường có thể ảnh hưởng tới hoạt động của công ty hoặc quyền lợi của Tập đoàn tại công ty đó.
- 30.3.4. Tuân thủ chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, quy chế bảo mật của Tập đoàn.
- 30.4** Hội đồng Thành viên giao Ban Kiểm soát nội bộ tập hợp các báo cáo giám sát và đánh giá xếp loại doanh nghiệp của:
- Tổng giám đốc Tập đoàn.

- Người đại diện.

và lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát doanh nghiệp; kết quả đánh giá hoạt động quản lý của mình và điều hành của Tổng giám đốc; báo cáo tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn và báo cáo đánh giá phân loại các công ty trước ngày 30/6 hàng năm để gửi tới các cơ quan hữu quan theo quy định.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 31. Khen thưởng và kỷ luật.

31.1. Khen thưởng:

- Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm, Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể theo quy định tại điều 17, 18 quy chế này, Quy chế thi đua khen thưởng của Tập đoàn và các quy định khác của Tập đoàn;

- Các chế độ khen thưởng khác được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

31.2. Kỷ luật:

Trường hợp người đại diện vi phạm các quy định của pháp luật và của Tập đoàn thì tùy theo mức độ sai phạm mà xử lý theo điều 20 của quy chế này, điều lệ, quy chế, các quy định quản lý nội bộ của Tập đoàn và pháp luật của Nhà nước.

Người đại diện không tuân thủ các quy định của pháp luật, Nghị Quyết/Quyết định/Quy định hoặc chỉ đạo của Tập đoàn thì tùy mức độ sai phạm mà bị xử lý, kỷ luật.

Tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc Hội đồng thành viên/Người đại diện, Thành viên Ban kiểm soát/kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức kỷ luật sau :

- + Thông báo toàn ngành và không được xét thi đua khen thưởng năm: áp dụng khi nộp báo cáo không đúng hạn hoặc không đầy đủ từ 02 lần trở lên theo quy định tại Quy chế này.
- + Khiển trách: nộp báo cáo không đúng hạn và không đầy đủ từ 02 lần trở lên theo quy định tại Quy chế này.
- + Cảnh cáo: nộp báo cáo không đúng hạn hoặc không đầy đủ từ 03 lần trở lên theo quy định tại Quy chế này.
- + Miễn nhiệm: nộp báo cáo không đúng hạn hoặc không đầy đủ từ 05 lần trở lên theo quy định tại Quy chế này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản thi hành

- Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo xây dựng để ban hành áp dụng quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác (nếu có) phù hợp với các quy định hiện hành, điều lệ của Tập đoàn, Tổng công ty/công ty và các quy định cụ thể tại quy chế này .

- Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí

Việt Nam phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc Tập đoàn.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5493/QĐ-DKVN ngày 16 tháng 07 năm 2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn)

Biểu mẫu :1A

TÊN ĐƠN VỊ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Quý ... năm ...

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm....
3. Ngành nghề kinh doanh:
4. Địa chỉ, điện thoại, FAX:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện Quý ...	Luỹ kế	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN				
	- Doanh nghiệp có lãi	DN	x			
	- Doanh nghiệp hoà vốn	DN	x			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN	x			
2	Tổng số lao động	người				
3	Tổng quỹ lương	tr.đồng				
5	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	tr.đồng				
6	Tổng vốn chủ sở hữu	tr.đồng				
7	Vốn điều lệ	tr.đồng				
8	Tổng số vốn của Tập đoàn - PVN (*)	tr.đồng				
9	Tổng nợ phải trả	tr.đồng				
	+ Nợ ngân hàng	tr.đồng				
	+ Nợ quá hạn	tr.đồng	x			
10	Tổng tài sản	tr.đồng				
	Trong đó tổng nợ phải thu	tr.đồng	x			
	+ Nợ khó đòi	tr.đồng	x			
11	Kết quả kinh doanh					
	- Doanh thu (không thuế)	tr.đồng				
	- Lãi thực hiện (trước thuế)	tr.đồng				
	- Lỗ thực hiện	tr.đồng				

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người lập biểu

Người đại diện phần vốn của Tập đoàn

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Quý/Năm

1. Tên doanh nghiệp:
 2. Giấy đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ...
 3. Ngành nghề kinh doanh:
 4. Địa chỉ, điện thoại, FAX:
 5. Vốn điều lệ: triệu đồng
- Trong đó:* Vốn Tập đoàn triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT		
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	130-BCĐKT		
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT		
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT		
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định - Tài sản cố định hữu hình - Tài sản cố định thuê tài chính - Tài sản cố định vô hình - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	220-BCĐKT 221-BCĐKT 224-BCĐKT 227-BCĐKT 230-BCĐKT		
3. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKX		
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT		
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT		
1. Nợ ngắn hạn Trong đó: Nợ quá hạn	310-BCĐKT		
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT		
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT		
1. Vốn chủ sở hữu Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410-BCĐKT 411-BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác Trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	420-BCĐKT 421-BCĐKT		

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD		
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD		
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		
2. Tổng chi phí			
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD		
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD		

VI. Các chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp NS Trong đó: các loại thuế			
2. Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu			
3. Tổng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (%)			
4. Tổng quỹ lương			
5. Số lao động b/q (người)			
6. Tiền lương bình quân người/năm			
7. Thu nhập bình quân người/năm			

Phân phân tích đánh giá và kiến nghị:

Người đại diện phần vốn của Tập đoàn

BÁO CÁO CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN TRONG NGÀNH**Quý/Năm**

(Áp dụng cho Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các Tổ chức tín dụng)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Ngành nghề kinh doanh:
3. Vốn điều lệ: triệu đồng

*Trong đó: Vốn Tập đoàn triệu đồng**Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I. Tổng giá trị huy động vốn trong ngành		
1. Huy động từ Tập đoàn		
<i>Tiền gửi</i>		
- <i>UTĐT, UTQLV</i>		
- <i>Khác</i>		
2. Huy động từ các đơn vị thành viên (chi tiết khách hàng)		
- <i>Tiền gửi</i>		
- <i>UTĐT, UTQLV</i>		
- <i>Khác</i>		
II. Dư nợ trong ngành		
1. <i>Dư nợ trong ngành ngắn hạn</i>		
1.1. Cho vay trực tiếp		
1.2. Cho vay từ nguồn uỷ thác của Tập đoàn		
1.3. Cho vay khác		
2. <i>Dư nợ trong ngành trung, dài hạn</i>		
1.1. Cho vay trực tiếp		
1.2. Cho vay từ nguồn uỷ thác của Tập đoàn		
1.3. Cho vay khác		
III. Thu xếp các dự án trong ngành		

Phân phân tích đánh giá và kiến nghị:

.....

.....

.....

Người đại diện phần vốn của PVN

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty.....

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Hht):

$$Hht = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$$

Trong đó:

Tài sản ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác trừ (-) các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi, giá trị tài sản ứ đọng, kém, mất phẩm chất.

Nếu $Hht < 1$, công ty không có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn hiện thời.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Hn):

$$Hn = \frac{\text{Tiền, các khoản tương đương tiền (MS 110 BCĐKT)} \\ \text{và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (MS 120 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$$

Nếu $Hn < 1$, công ty không có khả năng thanh toán nhanh.

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH Quý/Năm

Công ty:.....

TT	Nội dung	Số đầu năm			Số cuối kỳ		Hiệu quả đầu tư trong năm	
		Tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá	Tổng giá trị đầu tư thực tế	Tỷ lệ vốn góp/tổng vốn điều lệ công ty con, cty liên kết	Tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá	Tổng giá trị đầu tư thực tế	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn của công ty con, công ty liên kết (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia
1	Đầu tư vào công ty con							
	Trong đó							
	- Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư							
	Tên công ty....							
	- Công ty bảo hiểm, cty tài chính							
	Tên công ty...							
	- Ngân hàng TMCP							
	Tên ngân hàng...							
	Công ty bất động sản							
	Tên công ty...							
	- Cty ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty mẹ							
	Tên công ty...							
2	Đầu tư vào công ty liên kết							
	Trong đó:							
	- Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư							
	Tên công ty...							
	- Công ty bảo hiểm, cty tài chính							
	Tên công ty...							
	- Ngân hàng TMCP							
	Tên ngân hàng...							
	Công ty bất động sản							
	Tên công ty...							

	- Cty ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty mẹ							
	Tên công ty...							
3	Đầu tư vào công ty liên doanh							
	Tên công ty...							
4	Đầu tư dài hạn khác							
	Trong đó							
	- Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư							
	Tên công ty....							
	- Công ty bảo hiểm, cty tài chính							
	Tên công ty...							
	- Ngân hàng							
	Tên ngân hàng...							
	- Công ty bất động sản							
	Tên công ty...							
	- Cty ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty mẹ							
	Tên công ty...							
	Tổng cộng							

Ghi chú:

- + Công ty con là công ty có vốn của công ty mẹ - Tập đoàn; Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối khác theo thỏa thuận ghi tại điều lệ của công ty con.
- + Công ty liên kết: là công ty có vốn của công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty chiếm từ 20% - 50% vốn điều lệ.
- + Công ty liên doanh là công ty có quyền đồng sở hữu vốn của công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty.
- + Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mà công ty mẹ chiếm dưới 20% vốn điều lệ.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Người đại diện phần vốn của Tập đoàn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN HUY ĐỘNG
Quý/Năm

Đơn vị: đồng

I. Tình hình vay, huy động vốn:

	Nội dung	Tên tổ chức cho vay	Tên các cá nhân cho vay	Số tiền vay, huy động	Lãi suất phải trả	Ghi chú
1	Phát hành trái phiếu					
					
2	Vay dài hạn					
					
3	Vay ngắn hạn					
					
4	Huy động khác					
					

II. Tình hình sử dụng vốn vay, huy động:

	Nội dung sử dụng	Số tiền	Ghi chú
1	Chi đầu tư XD CB		
	- Dự án ...		
2	Chi hoạt động SXKD		
3	Chi mục đích khác		

III. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn huy động, khả năng thanh toán các khoản vay và huy động vốn:

- Đánh giá việc sử dụng vốn vay, vốn huy động có đúng mục đích, có hiệu quả không? (Có số liệu để chứng minh).

- Đánh giá khả năng thanh toán của công ty đối với các khoản vốn vay, vốn huy động đến hạn trả, lý do, kiến nghị.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

....., ngày..... thángnăm.....

**Người đại diện phần vốn
của Tập đoàn**

TÊN ĐƠN VỊ

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện Nghị quyết, quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn

Quý ...năm...

Tên doanh nghiệp:

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Loại văn bản	Nội dung chính của văn bản	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
						Chưa hoàn thành	Lý do	Kiến nghị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		
1	aaa			1	X	X		
				2				
				3				
2	bbb			1				
				2				
				3				

Ghi chú

Cột

(4) Các loại văn bản gồm: Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Công văn của Hội đồng Thành viên Tập đoàn

(7) Đối với các nội dung chưa hoàn thành yêu cầu Người đại diện nêu rõ nguyên nhân cùng các giải pháp kiến nghị (nếu có) với Hội đồng Thành viên Tập đoàn để tháo gỡ cho doanh nghiệp.

TÊN ĐƠN VỊ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY CHẾ CỦA TẬP ĐOÀN

Quý ... năm ...

Tên đơn vị:

STT	Số văn bản ban hành	Ngày ban hành	Tên Quy chế	Tình hình thực hiện		Ghi chú - Kiến nghị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)
				Không có vướng mắc	Có vướng mắc	
1	aaa			X	X	
2	bbb					

Ghi chú:

Cột (6) Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện các Quy chế, yêu cầu Người đại diện nêu rõ các vướng mắc cùng các giải pháp kiến nghị (nếu có) với Tập đoàn.

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP
Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/năm trước)	Xếp loại	
Chỉ tiêu 1	Doanh thu và thu nhập khác hoặc sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ (tr.đồng hoặc tấn, kwh)					
Chỉ tiêu 2	Lợi nhuận thực hiện (tr.đồng)					
	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn của Tập đoàn - PVN (%)					
Chỉ tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (tr.đồng)					
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
Chỉ tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					
Doanh nghiệp xếp loại:				Năm nay		
				Năm trước		

Xác nhận cơ quan cấp trên

(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

Người đại diện phần vốn của PVN

(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO XẾP LOẠI TẬP ĐOÀN/TỔNG CÔNG TY**Tên doanh nghiệp:****Ngành nghề kinh doanh:**

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % trên tổng doanh thu	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của cơ quan cấp trên
1	Doanh nghiệp thành viên (*)			
2	Doanh nghiệp thành viên			
3	Doanh nghiệp thành viên			
....			
	Tổng doanh thu toàn Tổng công ty (tr. đồng)			
	Tổng lợi nhuận toàn Tổng công ty (tr. đồng) (**)			
	Xếp loại Tổng công ty:	Năm nay		
		Năm trước		

Xác nhận cơ quan cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

Người đại diện phần vốn của PVN
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty mẹ hoặc Văn phòng Tổng công ty, công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty (báo cáo gửi kèm Biểu số 2, Biểu số 3 của các doanh nghiệp thành viên)

(**) Lợi nhuận đã bù trừ lãi, lỗ giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty

TÊN ĐƠN VỊ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP
Năm ...

Tên DN	Loại hình DN	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4 xếp loại	Chỉ tiêu 5 xếp loại	Xếp loại DN năm nay	Xếp loại DN năm trước
					Lợi nhuận		Vốn (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Nợ quá hạn (tr.đ)	Hệ số khả năng toán				
		Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay							
DN kinh doanh:																	
DN ...																	
DN ...																	
DN...																	
DN công ích																	
DN...																	
DN...																	
DN...																	
Tổng công ty AAA																	
DN thành viên...																	
DN thành viên...																	
DN thành viên...																	

Ngày tháng tháng

Ghi chú:

- Chỉ tiêu vốn được xác định như sau:

+ Công ty TNHH, Công ty cổ phần bao gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu (mẫu số 411)+ Quỹ đầu tư phát triển (mã số 417)+ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (mã số 421)

- Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty mẹ hoặc Văn phòng Tổng công ty, công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty.

Người lập biểu**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN VỐN TẬP ĐOÀN TẠI DOANH NGHIỆP**

BÁO CÁO XẾP LOẠI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư (%)	
	+ Kế hoạch	
	+ Thực hiện	
2	Chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT, Điều lệ của doanh nghiệp (đánh dấu x)	
	+ Chấp hành	
	+ Không chấp hành, không chấp hành đầy đủ	
3	Doanh nghiệp hoặc Tổng công ty xếp loại (A, B hoặc C)	

Xếp loại (đánh dấu x)	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của Cơ quan cấp trên
+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		
+ Hoàn thành nhiệm vụ		
+ Không hoàn thành nhiệm vụ		

Xác nhận cơ quan cấp trên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu

Người đại diện phần vốn của PVN
(Ký, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Năm

Tên người đại diện:

Chức danh đảm nhận:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
I	CÁC CHỈ TIÊU CỦA ĐƠN VỊ		
1	Doanh thu		
2	Lợi nhuận		
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư (%)		
	Chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT, Điều lệ của doanh nghiệp (đánh dấu x) + Chấp hành		
	+ Không chấp hành, không chấp hành đầy đủ		
	Doanh nghiệp hoặc Tổng công ty xếp loại (A, B hoặc		
II	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN		
1	<i>Nhiệm vụ chuyên môn</i>		
		
		
2	<i>Phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc;</i>		
	đạo đức và lối sống lành mạnh, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác		
	Tinh thần và thái độ (tận tụy với công việc, không hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ)		
	Không để vợ (chồng), con, anh (chị, em) ruột lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để ảnh hưởng xấu tới cơ quan hoặc vi phạm quy chế, vi phạm pháp		
3	<i>Ý thức tổ chức kỷ luật:</i>		
	- Chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, giữ gìn nếp sống văn hóa công sở, thời gian làm việc...		
	- Chấp hành sự phân công của tổ chức		
	- Tính trung thực, có ý thức giữ gìn đoàn kết nội bộ; Có ý thức trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh.		
	- Tinh thần phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ		
	-Tinh thần học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học.		
III	THÙ LAO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN		

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
IV	Xếp loại (đánh dấu x)		
	+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ		
	+ Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực		
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ		

Xác nhận cơ quan cấp trên

Người đại diện